**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025**

**MÔN: NGỮ VĂN 9**

**I. Đặc điểm truyện truyền kì**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các yếu tố** | **Đặc điểm truyện truyền kì** |
| **1. Khái niệm** | Chỉ một loại văn xuôi tự sự với đặc trưng nổi bật là sự phối trộn yếu tố hoang đường kì ảo với yếu tố hiện thực nhiều khi không phân biệt ranh giới âm dương. Tuy nhiên người đọc vẫn tìm thấy vẫn đề cốt lõi của yếu tố hiện thực, quan niệm, thái độ của tác giả. |
| **2. Cốt truyện** | Đơn giản, là sự sắp xếp các sự kiện theo chuỗi trật tự tuyến tính có quan hệ nhân quả. Cốt truyện tuyến tính khiến truyện trở nên mạch lạc và dễ theo dõi. |
| **3. Nhân vật** | Có 3 nhóm chính: thần tiên, người trần, yêu quái. Các nhân vật có nét kì lạ có thể ở nguồn gốc sinh ra, ngoại hình, số phận hay năng lực… |
| **4. Không gian, thời gian** | Đó vừa là khoonggian, thời gian thực tế vừa có yếu tố kì lạ và có thể pha trộn các loại không gian. Thời gian có sự hòa phối giữa thực và ảo. Thời gian thực với các điểm mốc, các niên đại còn thời gian ảo làm nên nét đặc thù của một cõi hoàn toàn khác với trần thế. |
| **5. Ngôn ngữ** | Sử dụng nhiều điển tích, điển cố ngoài ra còn có thể kết hợp với lời kể và thơ. |

**II. Đặc điểm thơ song thất lục bát**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Đặc điểm thơ song thất lục bát** |
| **Khái niệm** | Là thể thơ kết hợp giữa thơ thất ngôn và thơ lục bát |
| **Bố cục** | Mỗi khổ gồn 4 dòng thơ, một cặp thất ngôn và một cặp lục bát tạo thành một kết cấu trọn vẹn về ý cũng như về âm thanh, nhạc điệu |
| **Gieo vần** | Mỗi khổ thơ có một vần trắc và 3 vần bằng, câu 6 chỉ có vần chaa1n, 3 câu kia vừa có vần chân vừa có vần lưng. |
| **Nhịp** | Các câu 7 có thể ngắt nghị 3/4 hoặc 3/2/2, hai câu 6 và 8 ngắt theo thơ lục bát |

**III. Hệ thống các văn bản đã học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Loại, thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| **Nội dung** | **Hình thức** |
| 1 | Chuyện người con gái Nam Xương | Nguyễn Dữ | Truyện truyền kì | - Chuyện người con gái Nam Xương thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ. | - Xây dựng tình huống truyện độc đáo, chi tiết giàu gí trị  -  Nghệ thuật xây dựng nhân vật tài tình, nhân vật được xây dựng qua lời nói và hành động. Các lời trần thuật và đối thoại của nhân vật sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ nhưng vẫn khắc hoạ đậm nét và chân thật nội tâm nhân vật.  - Sử dụng yếu tố kỳ ảo làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm. |
| Dế chọi | Bồ Tùng Linh | Truyện Truyền kì | Dế chọi đả kích chế độ chính trị tàn bạo, vạch mặt bọn quan lại tham nhũng, cường hào ác bá, đồng thời bày tỏ sự cảm thông đối với những con người “bé nhỏ” bị chà đạp, hãm hại. Qua đó, truyện thể hiện tinh thần phê phán chế độ chính trị tàn bạo đương thời. | Câu chuyện mang nhiều yếu tố hoang đường, một đặc trưng nổi bật trong bút pháp nghệ thuật của tập truyện. |
| Sơn Tinh – Thủy Tinh | Nguyễn Nhược Pháp | Thơ bảy chữ | - “Sơn Tinh, Thủy Tinh” là câu chuyện tưởng tượng kì ảo, giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai, đồng thời suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng. | - Xây dựng hình tượng nhân vật dáng dấp thần linh, với nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo.  - Cách kể chuyện qua những vần thơ lôi cuốn và hấp dẫn |
| 2 | Nỗi niềm chinh phụ | Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm | Thơ song thất lục bát | - Là tiếng nói oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.  - Thể hiện khát vọng hạnh phúc lứa đôi. | - Hình ảnh mang tính ước lệ, tượng trưng.  - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ dân tộc lên một tầm cao mới, phong phú, uyển chuyển. |
| Tiếng Đàn Mưa | Bích Khê | Thơ song thất lục bát | - Bài thơ diễn tả nỗi nhớ và sự cô đơn mà không hề nặng nề về cảm xúc mà cứ nhẹ rơi như những giọt mưa mang âm thanh của tiếng đàn. | - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.  - Sử dụng các biện pháp tu từ linh hoạt. |
| Một số thể loại thơ độc đáo của người Việt | Dương Lâm An | Văn bản thông tin | Văn bản giới thiệu về thể thơ song thất lục bát (nguồn gốc, các đặc điểm về hình thức, nội dung, sự phát triển của thể thơ), đồng thời khẳng định đây là thể thơ độc đáo của người Việt. | - Lập luận chặt chẽ, bằng chứng, lí lẽ đầy thuyết phục. |

**IV. Ôn tập tiếng Việt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | Đơn vị kiến thức | Khái niệm | Tác dụng |
| 1 | Điển tích, điển cố | Điển cố là những câu chữ tróng sách đời trước được dẫn lại 1 cách sức tích  - Điển tích là những câu chuyện trong sách đời trước được dẫn lại một cách cô đúc trong văn thơ. | - Dùng điển tích, điển cố có tác dụng làm cho câu thơ, câu văn hàm súc, trang nhã, uyên bác |
| 2 | 1 số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn | - Nhận biết một số yếu tố HV dễ nhầm lẫn  + Các yếu tố HV đồng âm  + Các yếu tố HV gần âm  - Cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố HV dễ nhầm lần  + Dựa vào từ có chứa yếu tố HV đồng âm để suy luận  + Tra cứu từ điển | |
| 3 | Biện pháp chơi chữ | Là biện pháp thể hiện ở việc người nói (người viết) khai thác nét đặc sắc về ngữ âm, chữ viết, ngữ nghĩa của các từ ngữ  - Các lối chơi chữ thường gặp: dùng từ ngữ đồng âm, dùng lối nói trại âm, dùng cách điệp âm, dùng lối nói lái, dùng tư đa nghĩa… | Tạo sự bất ngờ, làm cho câu nói dí dỏm, hài hước và thú vị |
| 4 | Biện pháp tu từ điệp thanh và điệp vần | - Điệp thanh là biện pháp tu từ thể hiện ở việc người nói (người viết) dùng lặp lại nhiều lần một kiểu thanh điệu ở các âm tiết.  - Điệp vần là biện pháp tu từ thể hiện ở việc người nói (người viết) dùng lặp lại 1 vần ở các âm tiết đứng gần nhau | - Tạo âm hưởng nhất định cho câu thơ, câu văn và nhấn mạnh một nghĩa nào đó |

**V. Các kiểu bài viết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kiểu bài viết** | **Yêu cầu của kiểu bài** | **Ghi chú** |
| 1 | Viết bài văn phân tích một vấn đề cần giải quyết | - Nêu được vấn đề thể hiện được mối quan hệ giữa con người cà tự nhiên cần giải quyết.  - Tình bày mối quan hệ 2 chiều giữa con người với tự nhiên (trong phạm vi vấn đề nghị luận), triển khai các luận điểm chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực.  - Nêu được quan điểm trái chiều về vấn đề hoặc khía cạnh nào đó của vấn đề và phân tích một cách có cơ sở.  - Đề xuất giải pháp khả thi có thể giải quyết những bất ổn trong ứng xử của con người với tự nhiên. |  |
| 2 | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát) | - Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (tác giả, tác phẩm), nêu được nhận định chung của người viết.  - Làm rõ được nội dung và chủ đề của tác phẩm.  - Phân tích được nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm, tập trung vào yếu tố đặc trung của thơ song thất lục bát và tác dụng của thể thơ này trong việc thể hiện nội dung của tác phẩm.  - Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng lí lẽ và bằng chứng xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.  - Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm |  |

**VI. LUYỆN ĐỀ**

**ĐỀ 1**

**Phần 1: Trắc nghiệm**

**Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu**

*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước*  
*Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.*  
*Ngoài rèm thước chẳng mách tin,*  
*Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?*  
*Đèn có biết dường bằng chẳng biết*  
*Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi*  
*Buồn rầu nói chẳng nên lời*  
*Hoa đèn kia với bóng người khá thương.*  
*Gà eo óc gáy sương năm trống*  
*Hoè phất phơ rủ bóng bốn bên.*  
*Khắc giờ đằng đẵng như niên*  
*Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.*  
*Hương gượng đốt hồn đà mê mải*  
*Gương gượng soi lệ lại châu chan*  
*Sắt cầm gượng gảy ngón đàn*  
*Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng*  
 *(Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ - trích Chinh phụ ngâm)*

**Câu 1:** Những tư tưởng nào dưới đây được thể hiện trong tác phẩm chinh phụ ngâm?

A. Oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa

B. Khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi

C. Ca ngợi sự đảm đang chung thủy của người chinh phụ

D. Cả A và B

**Câu 2:** Bản dịch “Chinh Phụ Ngâm” của Đoàn Thị Điểm được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú Đường luật

B. Song thất lục bát

C. Lục bát

D. Lục bát biến thể

**Câu 3:** Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ là gì?

A. Nỗi nhớ thương chồng mà bất lực

B. Nỗi oán hờn khi phải xa chồng

C. Tình cảnh lẻ loi, cô đơn khao khát hạnh phúc

D. Sự chán nản tuyệt vọng trong nỗi cô đơn

**Câu 4:** Các câu thơ sau:

*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,*

*Ngồi rèm thưa ru thác đòi phen.*

*Ngoài rèm thưa thước chẳng mách tin,*

*Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?*

Có thể được hiểu là:

A. Hành động đi đi lại lại trong hiên vắng của người chinh phụ

B. Hành động rủ rèm, cuốn rèm của người chinh phụ

C. Trạng thái mệt mỏi của chinh phụ trong cảnh đợi chờ người chồng xa cách biền biệt

D. Tất cả đều đúng

**Câu 5:** Dòng nào dưới đây nhận xét không đúng về Chinh phụ ngâm?

A. Cảm động trước nỗi đau của con người, nhất là của những người vợ lính trong chiến tranh là động lực để Đặng Trần Côn viết nên khúc ngâm xuất sắc này.

B. Khúc ngâm nói lên sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.

C. Khúc ngâm thể hiện tâm trạng khát khao tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.

D. Khúc ngâm được viết theo thể thơ lục bát.

C**âu 6:** Ý nào dưới đây khái quát chính xác nhất về tình cảnh- tâm trạng của chinh phụ trong đoạn trích " Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ"?

A. Tình cảnh - tâm trạng lẻ loi, buồn nhớ, khát khao.

B. Tình cảnh - tâm trạng xa cách nhớ thương.

C. Tình cảnh - tâm trạng mòn mỏi mong chờ.

D. Tình cảnh - tâm trạng côi cút bi thương, oai oán.

**Phần 2: Viết**

Viết bài văn phân tích đoạn thơ trên.

**ĐỀ 2**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**KHÓC DƯƠNG KHUÊ**

|  |  |
| --- | --- |
| *Bác Dương thôi đã thôi rồi,*  *Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.*  *Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,*  *Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau,*  *Kính yêu từ trước đến sau,*  *Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?  Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,*  *Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo,*  *Có khi tầng gác cheo leo,*  *Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang,*  *Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,*  *Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân,*  *Có khi bàn soạn câu văn,*  *Biết bao đông bích, điển phần trước sau,*  *Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn,*  *Phận đấu thăng chẳng dám than trời,*  *Bác già, tôi cũng già rồi,*  *Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!* | *Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,*  *Tôi lại đau trước bác mấy ngày,*  *Làm sao bác vội về ngay,*  *Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời*  *Ai chẳng biết chán đời là phải,*  *Vội vàng sao đã mải lên tiên,*  *Rượu ngon không có bạn hiền,*  *Không mua không phải không tiền không mua,*  *Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,*  *Viết đưa ai, ai biết mà đưa,*  *Giường kia treo những hững hờ,*  *Đàn kia gẩy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn,*  *Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở,*  *Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương,*  *Tuổi già hạt lệ như sương,*  *Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan.*  *(Nguyễn Khuyến)* |

*Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,*

*Trước ba năm gặp bác một lần,*

*Cầm tay hỏi hết xa gần,*

*Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can*

**\* Chú thích:**

**- Tác giả:** Nguyễn Khuyến sinh năm 1835 và mất năm 1909. Quê quán: Làng Và, xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Ông có một cuộc sống khá lận đận, trải qua nhiều thăng trầm trong sự nghiệp. Sau khi từ quan, ông về sống ở quê nhà và dành trọn thời gian cho việc sáng tác thơ.

**- Tác phẩm:** Bài thơ sáng tác khi tác giả nghe tin người bạn thân thiết nhất của mình là Dương Khuê không còn trên cõi đời này nữa.

**- “Giường treo”:** Trần Phồn thời Hậu Hán có người bạn thân là Từ Trĩ. Phồn dành riêng cho bạn một cái giường, khi bạn đến chơi nhà thì mời ngồi, lúc bạn về lại treo giường lên

**- “Đàn kia”:** Tương truyền Bá Nha và Chung Tử Kì là hai người bạn. Hai người chơi đàn rất giỏi. Tử Kì có tài nghe được tiếng đàn của Bá Nha mà hiểu Bá Nha đang nghĩ gì. Người ta gọi đó là bạn tri âm. Sau khi Tử Kì chết, Bá Nha đập bỏ đàn vì cho rằng không ai hiểu được tiếng đàn của mình. Có thuyết nói là Bá Nha treo đàn không gảy nữa.

Em hãy viết bài văn nghị luận về tác phẩm “Khóc Dương Khuê” (Nguyễn Khuyến)

**ĐỀ 3**

Viết bài văn về làm thế nào để ngăn chặn nạn phá rừng và khai thác gỗ trái phép?

**ĐỀ 4**

Viết bài văn về giải pháp bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.